

Hải Phòng, ngày 04 tháng 03 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ 3)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm hóa chất xét nghiệm miễn dịch của Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Họ tên: Nguyễn Thị Kiều Oanh
Số điện thoại: 0397.712.595
Địa chỉ email: duoc.bvps@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 04 tháng 03 năm 2024 đến trước 17h ngày 13 tháng 03 năm 2024
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày nhận được báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa:
(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	<ul style="list-style-type: none">Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
------------------------------	--

Yêu cầu vận chuyển	- Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng
--------------------	---

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa và kèm theo (1 bản) Catalog hoặc thông tin sản phẩm để Bệnh viện có căn cứ xây dựng gói thầu.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. *w*

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: Dược.

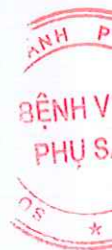
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS *Vũ Văn Lâm*

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
1	Access AFP	<p>Phạm vi phân tích: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL] Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm kháng AFP đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (dê, thỏ, chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	3
2	Access AFP Calibrators	<p>Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL AFP. S1,S2,S3,S4,S5, S6: AFP ở nồng độ xấp xỉ 2,5, 5, 25, 100, 500 và 3.000 ng/mL (2,1, 4,1, 21, 83, 413 và 2.478 IU/mL), trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	3
3	Access Ferritin	<p>Phạm vi phân tích: 0,2–1.500 ng/mL (µg/L). - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể dê kháng IgG của chuột: các phức hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin được huyền phù hóa trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất cộng hợp kháng thể của dê kháng ferritin – phosphatase kiềm trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (của dê, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	30



4	Access Ferritin Calibrators	Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Có chứa 0 ng/mL (mg/L) ferritin. S1, S2, S3, S4, S5: Ferritin ở gan người lần lượt ở các mức nồng độ xấp xỉ 10, 50, 200, 500 và 1.500 ng/mL (μ g/L), trong chất nền BSA đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	hộp	4
5	Access Substrate	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	hộp	9
6	Access System Check Solution	Thành phần: Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, < 0,1% natri azit. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	12
7	Access Total β hCG (5th IS)	Phạm vi phân tích: 0,6–1350 mIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt tuabin từ phủ IgG kháng chuột ở đây: các phức hợp kháng β hCG đơn dòng ở chuột được huyền phủ trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm citrate, có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp photphataza kiềm kháng β hCG ở thỏ (tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm MES, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (thỏ), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	hộp	13
8	Access total β hCG (5th IS) Calibrators	Thành phần: S0: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 mIU/mL (IU/L) hCG. S1,S2,S3,S4,S5: hCG ở nồng độ xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1.350 mIU/mL (IU/L) trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	hộp	3

9	Access Unconjugated Estriol	<p>Phạm vi phân tích: 0,017–6,9 ng/mL [0,059–24 nmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ IgG kháng thể ở dê được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,0125% Cosmocil CQ. R1b: Kháng thể kháng estriol ở thỏ trong dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,0125% Cosmocil CQ. R1c: Liên hợp photphataza kiềm-estriol (bò) trong dung dịch muối đệm HEPES có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,0125% Cosmocil CQ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	4
10	Access Unconjugated Estriol Calibrators	<p>Thành phần S0: Huyết thanh người. < 0,1% NaN₃ và 0,025% Cosmocil CQ. Chứa 0 ng/mL estriol không cộng hợp. S1, S2, S3, S4, S5, S6: Estriol không liên hợp ở các mức nồng độ xấp xỉ 0,07, 0,17, 0,34, 0,86, 3,4 và 6,9 ng/mL, (0,24, 0,6, 1,2, 3, 12 và 24 nmol/L), trong chất nền đệm huyết thanh người chứa < 0,1% NaN₃ và 0,025% Cosmocil CQ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	2
11	Access Wash Buffer II	<p>Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1).</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	11
12	Citranox	<p>Thành phần chính: Acid hữu cơ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Bình	4
13	Contrad 70	<p>Thành phần: KOH 1-5%</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Bình	4
14	Maternal Screening Control Level 1	<p>Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	1
15	Maternal Screening Control Level 2	<p>Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	1
16	Maternal Screening Control Level 3	<p>Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	hộp	1



17	MAS Omni IMMUNE	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	lọ	3
18	MAS Omni IMMUNE	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	lọ	3
19	MAS Omni IMMUNE	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	lọ	3